

HÀNH VI CẦU KHIẾN GIÁN TIẾP TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT - ỨNG DỤNG TRONG GIẢNG DẠY KỸ NĂNG GIAO TIẾP LIÊN VĂN HOÁ

NGUYỄN THỊ HOÀI LY*

Abstract: This article presents a contrastive analysis of indirect request strategies in English and Vietnamese to clarify cross-linguistic and pragmatic differences. Based on discourse data, the paper identifies key features in indirectness and politeness strategies shaped by cultural and social contexts. The findings indicate that English tends to employ conventional indirectness and mitigation, whereas Vietnamese relies more on contextual cues and interpersonal relationships. The study also discusses pedagogical implications for developing intercultural communication skills.

Keywords: *indirect request, politeness, contrastive linguistics, intercultural communication, language teaching.*

1. Đặt vấn đề

Trong giao tiếp ngôn ngữ, cầu khiến là hành vi ngôn ngữ phổ biến nhằm yêu cầu người nghe thực hiện một hành động nào đó. Tuy nhiên, không phải lúc nào người nói cũng sử dụng những biểu thức cầu khiến trực tiếp, đặc biệt trong các ngữ cảnh đòi hỏi sự lịch sự, tôn trọng hay tế nhị. Khi đó, các chiến lược cầu khiến gián tiếp được ưu tiên sử dụng nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến thể diện người nghe. Trong giao tiếp liên văn hoá, sự khác biệt trong cách sử dụng cầu khiến gián tiếp giữa các ngôn ngữ có thể gây hiểu nhầm, hoặc thậm chí là thất bại trong giao tiếp. Bài viết này đối chiếu hành vi cầu khiến gián tiếp trong tiếng Anh và tiếng Việt nhằm nhận diện các đặc điểm ngôn ngữ - văn hoá khác biệt, qua đó đề xuất ứng dụng trong giảng dạy kỹ năng giao tiếp liên văn hoá.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Khái niệm hành vi cầu khiến và cầu khiến gián tiếp

Trong ngữ dụng học, hành vi cầu khiến (directive speech act) là một trong những loại hành vi ngôn ngữ cơ bản, được Searle phân loại trong nhóm “hành vi điều khiển” (directives), tức những phát ngôn nhằm buộc người nghe thực hiện một hành động nào đó [1, tr.59]. Lời cầu khiến trực tiếp là khi hình thức ngữ pháp bề mặt và ý định giao tiếp của người nói trùng khớp, ví dụ: *Close the door!* (Đóng cửa lại!) [1, tr.60].

Ngược lại, lời cầu khiến gián tiếp xuất hiện khi hình thức ngữ pháp và chức năng giao tiếp không đồng nhất và người nghe cần suy diễn dựa vào ngữ cảnh, tiền giả định hay hàm ý. Ví dụ: *Could you open the window?* không phải là câu hỏi về năng lực mà là lời yêu cầu mở cửa sổ [1, tr.61]. Trong tiếng Việt, phát ngôn như *Ngoài kia mưa to quá nhỉ có thể hàm ý nhắc nhở người nghe mang áo mưa trước khi ra ngoài* [9, tr.17].

Điểm cốt lõi của hành vi cầu khiến gián tiếp là vừa giúp người nói đạt mục đích giao tiếp, vừa giảm mức độ đe dọa thể diện (face-threatening acts) đối với người nghe, nhờ đó duy trì phép lịch sự và sự hài hòa trong quan hệ xã hội [2, tr.120].

2.2. Tổng quan nghiên cứu về hành vi cầu khiến và cầu khiến gián tiếp

Trên thế giới, hành vi cầu khiến và đặc biệt là cầu khiến gián tiếp đã được nhiều học giả quan tâm. Searle [1, tr.59-63] khẳng định tính gián tiếp là một hiện tượng phổ biến của ngôn ngữ tự nhiên. Brown & Levinson [2, tr.129-135] nhấn mạnh vai trò của chiến lược lịch sự (politeness strategies) trong việc làm dịu lời cầu khiến. Nghiên cứu có ảnh hưởng lớn của Blum-Kulka, House & Kasper [3, tr.45-52] trong dự án CCSARP (Cross-Cultural Speech Act Realization Project) đã chỉ ra rằng trong tiếng Anh, người bản ngữ thường sử dụng cầu khiến gián tiếp quy ước (conventional indirectness), đặc biệt thông qua câu hỏi tình thái.

Tại Việt Nam, các nhà ngôn ngữ học cũng đã có những nghiên cứu quan trọng. Nguyễn Văn Hiệp [9, tr.15-25] phân tích cấu trúc ngữ nghĩa của hành động cầu khiến trong tiếng Việt, chỉ ra sự đa

* Trường Đại học Nghệ An; Email: hoaily200383@gmail.com

dạng trong cách biểu đạt: mệnh lệnh, đề nghị, khuyên nhủ, nhờ vả hoặc gợi ý. Lê Quang Thiêm [8, tr.40-47] trong công trình về ngôn ngữ học đối chiếu, khẳng định rằng tiếng Việt thiên về các hình thức gián tiếp không quy ước, phản ánh đặc trưng giao tiếp coi trọng ngữ cảnh và quan hệ xã hội. Nguyễn Đức Tồn [10, tr.45-52] nhấn mạnh yếu tố văn hoá - xã hội chi phối mạnh cách lựa chọn chiến lược cầu khiến, trong đó “giữ thể diện” là nguyên tắc cơ bản.

Các nghiên cứu gần đây như dữ liệu từ Kho ngữ liệu tiếng Việt (VLSP, 2020) [5] và ghi âm hội thoại thực tế [6] cho thấy: trong khi người bản ngữ tiếng Anh ưu tiên các mẫu gián tiếp mang tính công thức (ví dụ *Could you...?*, *Would you mind...?*), thì người Việt thường tận dụng bối cảnh, quan hệ thân - sơ và hàm ý để biểu đạt yêu cầu.

2.3. Đặc điểm lời cầu khiến gián tiếp trong tiếng Anh và tiếng Việt

Về cấu trúc ngữ pháp:

- Tiếng Anh thường sử dụng cấu trúc câu hỏi tình thái (*Can you...?*, *Could you...?*, *Would you mind...?*), hoặc cấu trúc phức hợp giảm nhẹ như *I was wondering if...* [3, tr.45-47].

- Tiếng Việt hay dùng câu cảm thán, câu điều ước hoặc nhận xét ngụ ý: *Giá mà có ai giúp thì tốt quá, Ngoài kia mưa to quá nhỉ* (ngụ ý nhắc lấy áo mưa) [9, tr.17].

Về từ vựng:

- Tiếng Anh có xu hướng công thức hoá, sử dụng các từ giảm nhẹ như *please*, *if possible*, *at your convenience* [3, tr.51].

- Tiếng Việt thiên về từ ngữ mang tính xã hội, quan hệ: *giúp em nhé, anh rảnh không, chị làm giúp em được không* [9, tr.22].

Về ngữ nghĩa - ngữ dụng:

- Tiếng Anh nhấn mạnh sự lịch sự, giảm nhẹ yêu cầu bằng cách biến mệnh lệnh thành câu hỏi hay phát ngôn trung tính [2, tr.120-122].

- Tiếng Việt phụ thuộc nhiều vào ngữ cảnh và mối quan hệ xã hội. Hành vi cầu khiến thường không trực tiếp thể hiện bằng động từ yêu cầu mà ẩn sau gợi ý, nhận xét, hay than thở [10, tr.47].

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích diễn ngôn kết hợp với so sánh - đối chiếu nhằm nhận diện đặc điểm hành vi cầu khiến gián tiếp trong tiếng Anh và tiếng Việt.

Nguồn dữ liệu được lựa chọn và xây dựng nhằm đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy, bao gồm:

- 100 đơn vị lời cầu khiến gián tiếp tiếng Anh: được trích xuất từ British National Corpus [8] và tuyển chọn từ các ví dụ trong công trình kinh điển của Blum-Kulka, House & Kasper [7]. Các dữ liệu này bao quát nhiều bối cảnh khác nhau như hội thoại đời thường, giao tiếp học thuật và công sở.

- 100 đơn vị lời cầu khiến gián tiếp tiếng Việt: được lấy từ Kho ngữ liệu tiếng Việt VLSP [1] và bổ sung bằng các đoạn hội thoại tự nhiên do tác giả trực tiếp ghi âm và sưu tầm trong môi trường giao tiếp sư phạm, sinh hoạt hàng ngày, cũng như các chương trình truyền hình thực tế.

Tất cả dữ liệu được phân loại dựa trên tiêu chí: (i) hình thức ngữ pháp, (ii) cấu trúc tình thái, (iii) lựa chọn từ vựng và (iv) mức độ phụ thuộc ngữ cảnh. Sau đó, dữ liệu được phân tích trong mối liên hệ với bối cảnh văn hoá - xã hội nhằm so sánh đối chiếu chiến lược cầu khiến gián tiếp giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Miêu tả đặc điểm lời cầu khiến gián tiếp trong tiếng Anh và tiếng Việt

Dựa trên 200 đơn vị ngữ liệu (100 tiếng Anh, 100 tiếng Việt), lời cầu khiến gián tiếp được phân tích theo ba tiêu chí: cấu trúc ngữ pháp, từ ngữ sử dụng và đặc điểm ngữ nghĩa - ngữ dụng.

Kết quả cho thấy:

Ngôn ngữ	Cầu khiến gián tiếp quy ước	Cầu khiến gián tiếp không quy ước	Tổng
Tiếng Anh	74%	26%	100%
Tiếng Việt	41%	59%	100%

• Tiếng Anh:

- Về cấu trúc ngữ pháp: phổ biến là câu hỏi tình thái (*Can you...?*, *Could you...?*, *Would you mind...?*) và cấu trúc phức hợp giảm nhẹ (*I was wondering if...*). Trong 100 đơn vị, 74% là cầu khiến gián tiếp quy ước [7, tr.45-47].

- Về từ ngữ: nhiều từ giảm nhẹ như *please, if possible, at your convenience* [7, tr.51].
- Về ngữ nghĩa - ngữ dụng: tập trung vào làm dịu yêu cầu, coi trọng sự bình đẳng trong giao tiếp.

- **Tiếng Việt:**

- Về cấu trúc ngữ pháp: chủ yếu là câu cảm thán, câu điều ước hoặc nhận xét mang hàm ý. Ví dụ: *Ngoài kia mưa to quá nhỉ* (hàm ý nhắc chuẩn bị áo mưa), *Giá mà có ai giúp thì tốt quá* [5, tr.17-22].
- Về từ ngữ: dùng nhiều đại từ xưng hô, tiểu từ tình thái (nhé, giùm, với) gắn liền quan hệ xã hội [5, tr.22].
- Về ngữ nghĩa - ngữ dụng: phụ thuộc nhiều vào bối cảnh, vai vế, mức độ thân sơ. Trong 100 đơn vị, 59% là câu khiến gián tiếp không quy ước.

Như vậy, dữ liệu cho thấy tiếng Anh thiên về gián tiếp quy ước, công thức hoá, còn tiếng Việt thiên về gián tiếp không quy ước, giàu tính hàm ẩn.

Ví dụ tiếng Anh (quy ước): *Could you please turn down the music?* [4, tr.118].

Ví dụ tiếng Việt (không quy ước): *Chỗ này bừa quá ha...* (hàm ý yêu cầu dọn dẹp) [5, tr.33].

4.2. So sánh đối chiếu

- **Điểm tương đồng:** Cả hai ngôn ngữ đều sử dụng cầu khiến gián tiếp nhằm duy trì lịch sự, giảm sức ép giao tiếp và giữ thể diện cho người nghe.

- **Điểm khác biệt:**

Kết quả so sánh cho thấy những điểm khác biệt đáng chú ý về hình thức, mức độ quy ước và cách sử dụng hành vi cầu khiến gián tiếp giữa hai ngôn ngữ.

- Trước hết, về hình thức ngôn ngữ, lời cầu khiến gián tiếp trong tiếng Anh thường sử dụng các cấu trúc câu hỏi mang tính lịch sự như *Could you..., Would you mind...,* hay cấu trúc ngữ pháp phức hợp như *I was wondering if...*

Ví dụ: *I was wondering if you might be able to lend me your notes.* Người nói không yêu cầu trực tiếp, mà đưa ra một lời nhờ vả nhẹ nhàng, thông qua cấu trúc diễn đạt suy nghĩ cá nhân [7].

Tương tự, một ví dụ khác là:

Could you please turn down the music? Dù đây là lời yêu cầu, người nói sử dụng cấu trúc câu hỏi với “could” và thêm từ “please” để thể hiện phép lịch sự, giảm tính áp đặt (Nguồn: British National Corpus 2005).

Ngược lại, tiếng Việt thiên về các hình thức ngụ ý dựa vào ngữ cảnh, không biểu hiện rõ hành vi cầu khiến về mặt ngôn ngữ bề mặt. Chẳng hạn: *Ngoài kia mưa to quá nhỉ...* Câu nói tưởng chừng như đơn thuần là nhận xét thời tiết, nhưng trong ngữ cảnh cụ thể (người nghe sắp ra ngoài), nó mang hàm ý “Đừng ra ngoài” hoặc “Lấy áo mưa đi” (Nguồn: ghi âm hội thoại tự nhiên, 2024).

Một ví dụ khác thể hiện rõ tính ngụ ý là:

Giá mà có ai bê giúp cái bàn này thì tốt quá... Dù không có động từ yêu cầu trực tiếp, câu mang chức năng thúc đẩy hành vi giúp đỡ từ người nghe thông qua cấu trúc điều ước (Nguồn: Truyền hình thực tế VTV3, 2022).

- Về tính quy ước, các mẫu tiếng Anh cho thấy xu hướng sử dụng cầu khiến gián tiếp có tính công thức hoá cao (74%), trong khi tiếng Việt lại ưu ái các hình thức không quy ước (59%) - tức không đi kèm từ ngữ yêu cầu cụ thể mà phụ thuộc vào năng lực suy luận của người tiếp nhận. Điều này được minh chứng trong ví dụ: *Chị biết rồi, nhưng không ai giúp chị cả...* Câu nói bề mặt là lời than thở, nhưng trong mối quan hệ xã hội (ví dụ: đồng nghiệp), nó có thể là lời kêu gọi hành động một cách tế nhị [1].

So sánh tần suất: Về yếu tố văn hoá giao tiếp, sự khác biệt này phản ánh một nét đặc trưng trong phong cách giao tiếp phương Tây và phương Đông. Người bản ngữ tiếng Anh thường ưu tiên rõ ràng nhưng giảm nhẹ trực diện, trong khi người Việt lại đề cao tính hàm ẩn, tế nhị và “giữ thể diện” trong lời nói.

Một ví dụ tiếng Anh tiêu biểu thể hiện cách tránh yêu cầu trực tiếp bằng cách mô tả tình huống là: *You look really busy. Maybe I can come back later?* Dù không yêu cầu người kia dừng công việc, người nói vẫn truyền đạt được mong muốn rút lui hoặc sắp xếp lại thời gian [8]. Điều này tương tự với cách người Việt dùng nhận xét tình huống như “Thôi để lúc khác vậy...” để ngụ ý từ chối yêu cầu hay trì hoãn hành động.

Như vậy, qua các ví dụ phân tích, có thể thấy rằng hành vi cầu khiến gián tiếp tuy phổ biến ở cả hai ngôn ngữ nhưng lại được thể hiện qua các chiến lược khác nhau, gắn chặt với văn hoá, vai xã hội và quan hệ quyền lực.

- Trong hành vi cầu khiến gián tiếp giữa hai ngôn ngữ:

Thứ nhất, trong tiếng Anh, người nói có xu hướng sử dụng các chiến lược cầu khiến gián tiếp quy ước, chủ yếu thông qua các cấu trúc như *Could you...?*, *Would you mind...?*, *Is it possible to...?*. Những cấu trúc này vừa thể hiện tính lịch sự, vừa làm giảm áp lực đối với người nghe. Trong 100 lượt lời được thu thập từ các hội thoại tiếng Anh, có đến 72% sử dụng hình thức cầu khiến gián tiếp quy ước, đặc biệt phổ biến trong môi trường công sở và học thuật.

Thứ hai, ngữ liệu tiếng Việt cho thấy sự ưa chuộng các hình thức cầu khiến gián tiếp không quy ước, thể hiện qua các câu gợi ý, nhận xét hoặc tình huống kể chuyện. Ví dụ: *Chỗ này bừa quá ha...* (ngụ ý muốn người nghe dọn dẹp), hay “Nếu ai đó có thể giúp thì tốt biết mấy”. Trong 100 lượt lời phân tích, gần 60% là các cấu trúc cầu khiến gián tiếp không quy ước, phản ánh lối giao tiếp uyển chuyển và giàu tính ẩn dụ của người Việt.

Thứ ba, yếu tố quan hệ xã hội và vai vế cũng ảnh hưởng lớn đến chiến lược cầu khiến. Trong tiếng Việt, người nói thường thay đổi cách thể hiện tùy theo vị trí xã hội, độ tuổi và mức độ thân thiết - điều này thể hiện rõ trong việc lựa chọn từ xưng hô, kiểu câu, và mức độ gián tiếp. Trong khi đó, người nói tiếng Anh dù có quan tâm đến mối quan hệ xã hội, nhưng thường sử dụng các chiến lược mang tính quy ước và ít biến hoá hơn.

Cuối cùng, kết quả nghiên cứu khẳng định rằng hành vi cầu khiến gián tiếp không chỉ là một hiện tượng ngôn ngữ đơn thuần, mà còn là biểu hiện của hệ giá trị và tư duy văn hoá đặc trưng trong từng cộng đồng ngôn ngữ. Những phát hiện này cung cấp nền tảng quan trọng cho việc thiết kế các hoạt động giảng dạy kỹ năng giao tiếp liên văn hoá một cách hiệu quả hơn.

5. Ứng dụng trong giảng dạy kỹ năng giao tiếp liên văn hoá

Giảng dạy kỹ năng giao tiếp liên văn hoá cần chú trọng đến khía cạnh ngữ dụng và lịch sự giao tiếp. Một số gợi ý bao gồm: (1) thiết kế bài học so sánh hành vi cầu khiến trong hai ngôn ngữ; (2) đưa ra các tình huống thực tế yêu cầu người học xử lý giao tiếp linh hoạt; (3) khuyến khích phản hồi và thảo luận về các chuẩn mực lịch sự khác biệt giữa các nền văn hoá; (4) tăng cường vai trò của giáo viên như người hướng dẫn về năng lực văn hoá bên cạnh ngôn ngữ.

Việc hiểu rõ và đối chiếu hành vi cầu khiến gián tiếp trong tiếng Anh và tiếng Việt có ý nghĩa thiết thực trong việc dạy và học kỹ năng giao tiếp liên văn hoá. Ở bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập hiện nay, người học không chỉ cần thông thạo ngôn ngữ đích, mà còn phải làm chủ các chiến lược giao tiếp phù hợp với văn hoá bản địa, tránh các hành vi gây hiểu nhầm hoặc vi phạm chuẩn mực xã hội.

Trước hết, giảng dạy kỹ năng giao tiếp liên văn hoá cần tích hợp nội dung về sự khác biệt trong chiến lược lời nói (speech act strategies), trong đó hành vi cầu khiến là một thành tố quan trọng. Giáo viên cần giới thiệu cho người học về các dạng cầu khiến gián tiếp phổ biến trong tiếng Anh (ví dụ: conventional indirectness - “Could you open the window?”) và so sánh với các hình thức gián tiếp không quy ước trong tiếng Việt (ví dụ: “Nóng quá...” mang hàm ý muốn người nghe bật quạt). Việc này giúp người học nhận thức được mức độ trực tiếp - gián tiếp, tính lịch sự và văn hoá thể hiện đằng sau mỗi phát ngôn.

Thứ hai, trong các hoạt động thực hành, giáo viên nên thiết kế các tình huống giao tiếp liên văn hoá mô phỏng (intercultural role-play) hoặc phân tích tình huống (critical incidents) để người học rèn luyện năng lực lựa chọn hình thức cầu khiến phù hợp với ngữ cảnh và nền văn hoá cụ thể. Chẳng hạn, trong một tình huống giao tiếp với giáo viên người bản ngữ, người học nên được hướng dẫn sử dụng cấu trúc lịch sự gián tiếp thay vì mệnh lệnh trực tiếp - điều này không chỉ đúng về mặt ngôn ngữ mà còn thể hiện sự hiểu biết văn hoá.

Thứ ba, người học cần được khuyến khích đối chiếu về chính văn hoá của mình - từ đó xây dựng sự nhạy cảm liên văn hoá (intercultural sensitivity). Nhiều người học Việt Nam thường mặc định cách diễn đạt trong tiếng mẹ đẻ là “tự nhiên” và áp dụng y nguyên vào tiếng Anh, điều này có

thể gây hiểu lầm hoặc bị xem là thiếu lịch sự. Việc giúp người học đối chiếu sự khác biệt về mặt diễn ngôn giữa hai ngôn ngữ sẽ góp phần nâng cao khả năng điều chỉnh hành vi giao tiếp linh hoạt và hiệu quả trong môi trường quốc tế.

Bên cạnh đó, giáo trình và tài liệu giảng dạy ngoại ngữ hiện nay cần được bổ sung các phân tích ngữ dụng - văn hoá cụ thể như hành vi cầu khiến gián tiếp, thay vì chỉ tập trung vào từ vựng và ngữ pháp. Việc này không chỉ giúp người học nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hoá mà còn tránh được những va chạm không mong muốn trong thực tiễn.

Cuối cùng, đào tạo giáo viên ngoại ngữ cũng cần nhấn mạnh tầm quan trọng của năng lực liên văn hoá, đặc biệt trong việc giảng dạy các hành vi ngôn ngữ mang tính nhạy cảm như yêu cầu, khuyên nhủ, từ chối hay phê bình. Giáo viên cần có khả năng hướng dẫn người học hiểu được “hàm ý văn hoá” đằng sau cách nói, từ đó giúp người học không chỉ giao tiếp thành công mà còn thiết lập được mối quan hệ xã hội tích cực với người bản ngữ.

Việc hiểu rõ sự khác biệt trong cách sử dụng hành vi cầu khiến gián tiếp giữa tiếng Anh và tiếng Việt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giảng dạy kỹ năng giao tiếp liên văn hoá (intercultural communication competence - ICC). Những phát hiện từ nghiên cứu này có thể được ứng dụng vào thiết kế chương trình và hoạt động dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp và năng lực văn hoá của người học, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hoá và giao tiếp xuyên quốc gia.

5.1. Giúp người học tránh hiểu lầm giao tiếp

Một trong những nguyên nhân phổ biến gây ra hiểu lầm trong giao tiếp liên văn hoá là sự khác biệt trong chiến lược ngôn ngữ sử dụng. Ví dụ, người Việt thường sử dụng hình thức cầu khiến gián tiếp không quy ước, như “Trời nóng quá” để ngụ ý “bật điều hòa giúp”, trong khi người bản ngữ tiếng Anh có thể không nhận ra dụng ý này. Ngược lại, người học Việt Nam có thể cảm thấy người bản ngữ nói tiếng Anh “thiếu tế nhị” khi dùng các mẫu câu như “Can you open the door?” do không nhận diện được đây là hình thức cầu khiến đã được làm giảm mức độ trực tiếp nhờ yếu tố hình thức ngữ pháp. Việc đưa các ví dụ đối chiếu này vào bài học giúp người học nhận thức rõ hơn về sự đa dạng trong cách biểu đạt và các giá trị văn hoá gắn liền với từng ngôn ngữ.

5.2. Thiết kế hoạt động giao tiếp gắn với văn hoá

Từ kết quả nghiên cứu, giáo viên có thể thiết kế các hoạt động mô phỏng (role-play), phân tích tình huống (case analysis), hoặc thảo luận liên văn hoá, trong đó người học được đặt vào các bối cảnh giao tiếp cụ thể để luyện tập nhận diện và sử dụng các dạng cầu khiến phù hợp. Ví dụ, trong một hoạt động, sinh viên có thể được giao nhiệm vụ “thuyết phục bạn cùng phòng hạ nhỏ tiếng nhạc vào buổi tối” bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt, sau đó so sánh cách họ chọn lựa cấu trúc ngôn ngữ, mức độ trực tiếp/gián tiếp và hiệu ứng giao tiếp tạo ra. Những hoạt động này không chỉ giúp người học nâng cao khả năng ngôn ngữ mà còn bồi dưỡng tư duy linh hoạt, khả năng điều chỉnh chiến lược giao tiếp theo từng nền văn hoá cụ thể.

5.3. Phát triển năng lực liên văn hoá toàn diện

Giảng dạy kỹ năng cầu khiến gián tiếp là một phần thiết yếu trong việc xây dựng năng lực giao tiếp liên văn hoá toàn diện. Năng lực này bao gồm: (i) kiến thức về sự khác biệt văn hoá trong sử dụng ngôn ngữ, (ii) kỹ năng lựa chọn hình thức diễn đạt phù hợp với từng hoàn cảnh và đối tượng, và (iii) thái độ cởi mở, tôn trọng sự khác biệt. Bằng việc tích hợp nội dung đối chiếu ngôn ngữ vào giảng dạy, giáo viên có thể hướng người học đến khả năng giao tiếp hiệu quả hơn trong môi trường học thuật, công việc và đời sống quốc tế.

5.4. Gợi ý nội dung đưa vào giáo trình và đào tạo giáo viên

Dựa vào kết quả nghiên cứu, có thể đề xuất đưa các chủ đề như “Cầu khiến gián tiếp và văn hoá lễ nghi”, “Chiến lược giảm nhẹ yêu cầu trong tiếng Anh và tiếng Việt”, “Vai trò của ngữ cảnh trong giao tiếp” vào nội dung giảng dạy môn Giao tiếp liên văn hoá, Dạy học tiếng Anh, hoặc Kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp. Đồng thời, giáo viên cần được đào tạo bài bản về hiện tượng ngôn ngữ giao thoa để có thể hỗ trợ người học giải mã các chiến lược ngữ dụng phức tạp, đặc biệt trong tình huống có nguy cơ gây xung đột hoặc hiểu lầm.

Tóm lại, việc vận dụng kết quả nghiên cứu về hành vi cầu khiến gián tiếp trong giảng dạy ngoại ngữ sẽ góp phần quan trọng trong việc hình thành năng lực giao tiếp liên văn hoá - một trong những mục tiêu cốt lõi của giáo dục ngôn ngữ hiện đại.

6. Kết luận

Qua việc đối chiếu hành vi cầu khiến gián tiếp trong tiếng Anh và tiếng Việt dựa trên 200 đơn vị ngữ liệu, kết quả cho thấy một số điểm nổi bật:

Thứ nhất, cả hai ngôn ngữ đều sử dụng lời cầu khiến gián tiếp như một chiến lược giao tiếp nhằm duy trì phép lịch sự, giảm sức ép giao tiếp và bảo vệ thể diện cho người nghe.

Thứ hai, tiếng Anh có xu hướng sử dụng gián tiếp quy ước, được công thức hoá qua các cấu trúc tình thái (*Could you...?, Would you mind...?, I was wondering if...*) kèm các yếu tố giảm nhẹ như *please, if possible*.

Thứ ba, tiếng Việt thiên về gián tiếp không quy ước, với nhiều hình thức ngụ ý qua câu cảm thán, điều ước, nhận xét hoặc than thở (*Ngoài kia mưa to quá nhỉ, Giá mà có ai giúp thì tốt quá*). Sự lựa chọn hình thức cầu khiến trong tiếng Việt chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của quan hệ xã hội, vai vế và đặc điểm văn hoá coi trọng sự hài hòa, tế nhị.

Thứ tư, sự khác biệt về mức độ quy ước và cách thức biểu đạt có thể dẫn đến hiểu lầm trong giao tiếp liên văn hoá nếu người học ngoại ngữ áp dụng trực tiếp chiến lược của tiếng mẹ đẻ sang ngôn ngữ đích.

Những phát hiện này có ý nghĩa quan trọng cả về lí thuyết (góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa hành vi ngôn ngữ và văn hoá giao tiếp) và thực tiễn (hỗ trợ cho việc thiết kế chương trình dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là năng lực giao tiếp liên văn hoá).

Kiến nghị:

- Trong giảng dạy ngoại ngữ, cần tăng cường nội dung so sánh - đối chiếu hành vi cầu khiến giữa tiếng Anh và tiếng Việt, giúp người học nhận diện được sự khác biệt về cách dùng, mức độ lịch sự và ngữ cảnh văn hoá.

- Giáo viên nên xây dựng hoạt động mô phỏng giao tiếp (role-play) và tình huống điển hình (critical incidents) để người học thực hành xử lí linh hoạt các lời cầu khiến trong bối cảnh liên văn hoá.

- Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi dữ liệu, phân tích thêm các biến số như độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp hoặc môi trường giao tiếp (học thuật, thương mại, đời thường) để có cái nhìn toàn diện hơn.

Tóm lại, việc hiểu rõ đặc điểm cầu khiến gián tiếp trong tiếng Anh và tiếng Việt không chỉ nâng cao hiệu quả giao tiếp, mà còn góp phần hình thành năng lực giao tiếp liên văn hoá - mục tiêu cốt lõi trong dạy và học ngoại ngữ hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Kho ngữ liệu tiếng Việt VLSP. *Ngữ liệu tiếng Việt* [Data set]. Đại học Quốc gia Hà Nội. 2020.
2. Lê Quang Thiêm. *Ngôn ngữ học đối chiếu*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2004.
3. Nguyễn Đức Tồn. *Giao tiếp và giao tiếp văn hoá*. Tạp chí Khoa học Xã hội, (5), 45-52. 2009.
4. Nguyễn Thị Phương Lan. *Giao tiếp liên văn hoá: Lí thuyết và ứng dụng*. NXB Giáo dục Việt Nam. 2018.
5. Nguyễn Văn Hiệp. *Cấu trúc ngữ nghĩa của hành động cầu khiến trong tiếng Việt*. Tạp chí Ngôn ngữ, (3). 2001.
6. Nhóm nghiên cứu Trường Đại học Nghệ An. *Ghi âm hội thoại thực tế* [Tập dữ liệu chưa công bố]. 2024

Tiếng Anh

7. Blum-Kulka, S., House, J., & Kasper, G. *Cross-cultural pragmatics: Requests and apologies*. Norwood, NJ: Ablex Publishing Corporation. 1989.
8. British National Corpus (BNC). 2007. [Data set]. Retrieved from <https://www.natcorp.ox.ac.uk/>
9. Brown, P., & Levinson, S. C. *Politeness: Some universals in language usage*. Cambridge: Cambridge University Press. 1987.
10. Searle, J. R. Indirect speech acts. In P. Cole & J. L. Morgan (Eds.), *Syntax and semantics* (Vol. 3, pp. 59-82). New York: Academic Press. 1975.